

BẢNG KÊ LÂM SẢN

TT	Số hiệu nhãn đánh dấu	Tên thông thường		Nhóm loài (thông thường; nguy cấp, quý, hiếm; PLI/II CITES)	Số lượng	Kích thước			Khối lượng	Ghi chú (Đã có Quyết định tịch thu/ Đang tạm giữ)
						Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/chiều dày (cm)		
1		SP5		Thông thường	40	5,0	10	5	1,000	Đã tịch thu
2		Cày		Thông thường	1	3,2		30	0,226	Đã tịch thu
3		Cày		Thông thường	1	3,5		20	0,109	
4		Cày		Thông thường	1	4,1		30	0,289	
5		Cày		Thông thường	1	3,6		30	0,254	
6		Cày		Thông thường	1	4,6		30	0,324	
7		Cày		Thông thường	1	4,6		34	0,417	
8		Cày		Thông thường	1	3,4		27	0,194	
9		Cày		Thông thường	1	4,8		27	0,274	
10		Cày		Thông thường	1	3,5		18	0,089	
11		Cày		Thông thường	1	3,9		20	0,106	
12		Cày		Thông thường	1	3,5		30	0,247	
13		Cày		Thông thường	1	3,6		25	0,176	
14		Cày		Thông thường	1	4,4		27	0,252	
15		Cày		Thông thường	1	3,2		38	0,362	
16		Cày		Thông thường	1	3,2		34	0,290	
17		Cày		Thông thường	1	3,1		45	0,492	
18		Cày		Thông thường	1	3,1		28	0,190	
19		SP5		Thông thường	1	2,4	24	21	0,120	Đã tịch thu
20		SP5		Thông thường	1	2,8	36	41	0,413	
21		SP5		Thông thường	1	2,0	28	25	0,140	
22		SP5		Thông thường	1	3,5	11	23	0,088	
23		SP5		Thông thường	1	2,0	27	27	0,145	
24		SP5		Thông thường	1	2,0	17	26	0,088	
25		SP5		Thông thường	1	1,5	29	26	0,113	
26		SP5		Thông thường	1	3,0	22	24	0,158	
27		SP5		Thông thường	1	2,5	24	25	0,150	
28		SP5		Thông thường	1	2,0		40	0,251	Đã tịch thu
29		SP5		Thông thường	1	2,0		40	0,251	
30		SP5		Thông thường	1	2,0		45	0,317	
31		SP5		Thông thường	1	2,2		40	0,276	
32		SP5		Thông thường	1	2,2		35	0,211	
33		SP5		Thông thường	1	2,2		30	0,155	
34		SP5		Thông thường	1	2,7	30	30	0,243	Đã tịch thu

35		SP5		Thông thường	1	2,8	35	35	0,343	
36		SP5		Thông thường	1	3,2	28	28	0,250	
37		SP5		Thông thường	2	2,8	22	22	0,272	
38		SP5		Thông thường	1	2,9	30	30	0,261	
39		SP5		Thông thường	1	3,0	30	30	0,270	
40		SP6		Thông thường	1	2,3	30	30	0,207	
41		SP5		Thông thường	1	2,8	25	30	0,210	
42		SP5		Thông thường	1	2,8	20	20	0,112	
43		Lim vang		Thông thường	1	2	20	20	0,080	Đã tịch thu
44		Lim vang		Thông thường	1	2	21	22	0,092	
45		Lim vang		Thông thường	1	2	22	23	0,101	
46		Lim vang		Thông thường	1	2	21	21	0,088	
47		Lim vang		Thông thường	1	2	23	25	0,115	
48		Lim vang		Thông thường	1	2	19	20	0,076	
49		Lim vang		Thông thường	1	2	20	22	0,088	
50		Lim vang		Thông thường	1	2	22	24	0,105	
51		Lim vang		Thông thường	1	2	22	23	0,101	
52		Lim vang		Thông thường	1	2	21	22	0,092	
53		Lim vang		Thông thường	1	2	18	20	0,072	
54		SP5		Thông thường	2	2,6	75	15	0,584	Đã tịch thu
55		SP5		Thông thường	1	2,6	70	14	0,254	
56		SP5		Thông thường	1	2,6	50	14	0,182	
57		SP5		Thông thường	1	2,6	57	14	0,207	
58		SP5		Thông thường	1	2,6	60	14	0,218	
59		SP5		Thông thường	1	2,6	75	14	0,273	
60		SP5		Thông thường	1	2,6	78	14	0,283	
61		SP5		Thông thường	1	2,6	70	12	0,218	
62		SP5		Thông thường	1	2,6	73	13	0,246	
63		SP5		Thông thường	1	2,2	30	28	0,184	Đã tịch thu
64		SP5		Thông thường	1	2,1	28	14	0,082	
65		SP5		Thông thường	1	1,8	24	18	0,077	
66		SP5		Thông thường	1	2,2	30	24	0,158	
67		SP5		Thông thường	1	2	31	14	0,086	
68		SP5		Thông thường	1	2,2	34	26	0,194	
69		SP5		Thông thường	1	2,2	27	21	0,124	
70		SP5		Thông thường	1	2,1	20	18	0,075	
71		SP5		Thông thường	1	2,1	34	23	0,164	
72		SP5		Thông thường	1	2,2	31	25	0,170	
73		SP5		Thông thường	1	2,2	40	13	0,114	
74		SP5		Thông thường	1	1,8	34	30	0,183	
75		SP5		Thông thường	1	2,1	35	15	0,110	
76		SP5		Thông thường	1	2,2	43	13	0,122	
77		SP5		Thông thường	1	2,2	40	13	0,114	
78		SP5		Thông thường	1	2,3	40	13	0,119	
79		SP5		Thông thường	1	1,2		34	0,108	Đang tạm giữ;

80		SP5		Thông thường	1	1,2		34	0,108	
81		SP5		Thông thường	1	0,8		36	0,080	
82		SP5		Thông thường	1	0,9		30	0,063	
83		SP5		Thông thường	1	1,7	22	22	0,082	
84		SP5		Thông thường	1	2	30	12	0,072	
85		SP5		Thông thường	1	2	22	12	0,052	
86		SP5		Thông thường	1	1,6	33	19	0,100	
87		SP5		Thông thường	1	1,4	43	10	0,060	
88		SP5		Thông thường	1	2,1	38	10	0,079	
89		SP5		Thông thường	1	1,8	53	12	0,114	
90		Dầu		Thông thường	1	5,00		14,00	0,077	Đang tạm giữ;
91		SP5		Thông thường	1	5,50		15,00	0,097	324%
92		Dầu		Thông thường	1	2,60		20,00	0,082	
93		Dầu		Thông thường	1	4,00		15,00	0,071	
94		Dầu		Thông thường	1	3,40		17,00	0,077	
95		Dầu		Thông thường	1	4,80		15,00	0,085	
96		Dầu		Thông thường	1	4,70		15,00	0,083	
97		Dầu		Thông thường	1	5,20		12,00	0,059	
98		Dầu		Thông thường	1	6,30		15,00	0,111	
99		SP5		Thông thường	1	2,90		15,00	0,051	
100		SP5		Thông thường	1	5,00		14,00	0,077	
101		SP5		Thông thường	1	5,30		16,00	0,107	
102		Dầu		Thông thường	1	3,90		12,00	0,044	
103		Dầu		Thông thường	1	5,20		17,00	0,118	
104		SP5		Thông thường	1	4,80		15,00	0,085	
105		Dầu		Thông thường	1	5,00		12,00	0,057	
106		SP5		Thông thường	1	2,70		17,00	0,061	
107		Dầu		Thông thường	1	2,60		15,00	0,046	
108		SP5		Thông thường	1	4,00		17,00	0,091	
109		Dầu		Thông thường	1	2,70		14,00	0,042	
110		Dầu		Thông thường	1	3,70		12,00	0,042	
111		Dầu		Thông thường	1	4,20		16,00	0,084	
112		Dầu		Thông thường	1	1,90		15,00	0,034	
113		Dầu		Thông thường	1	4,50		16,00	0,090	
114		Dầu		Thông thường	1	6,00		15,00	0,106	
115		Dầu		Thông thường	1	2,20		12,00	0,025	
116		Dầu		Thông thường	1	2,50		18,00	0,064	
117		Dầu		Thông thường	1	3,30		14,00	0,051	
118		Dầu		Thông thường	1	4,70		14,00	0,072	
119		Dầu		Thông thường	1	4,80		15,00	0,085	
120		Dầu		Thông thường	1	4,50		13,00	0,060	
121		SP5		Thông thường	1	2,90		18,00	0,074	
122		SP5		Thông thường	1	4,20		13,00	0,056	
123		Cà la		Thông thường	1	4,10		12,00	0,046	
124		Dầu		Thông thường	1	4,50		10,00	0,035	

125		Dầu		Thông thường	1	2,60		13,00	0,034	
126		Dầu		Thông thường	1	4,40		11,00	0,042	
127		Dầu		Thông thường	1	1,10		10,00	0,009	
128		Cà la		Thông thường	1	4,80		10,00	0,038	
129		Dầu		Thông thường	1	3,50		12,00	0,040	
130		Dầu		Thông thường	1	2,10		10,00	0,016	
131		Dầu		Thông thường	1	3,30		10,00	0,026	
132		Dầu		Thông thường	1	3,40		11,00	0,032	
133		Dầu		Thông thường	1	5,50		12,00	0,062	
134		Dầu		Thông thường	1	5,10		11,00	0,048	
135		Dầu		Thông thường	1	2,80		14,00	0,043	
136		SP5		Thông thường	1	3,50		12,00	0,040	
137		SP5		Thông thường	1	4,40		10,00	0,035	
138		SP5		Thông thường	1	5,00		13,00	0,066	
139		Dầu		Thông thường	1	4,30		10,00	0,034	
140		Dầu		Thông thường	1	3,00		13,00	0,040	
141		Dầu		Thông thường	1	3,10		13,00	0,041	
142		Dầu		Thông thường	1	3,50		15,00	0,062	
143		Dầu		Thông thường	1	1,40		13,00	0,019	
144		Dầu		Thông thường	1	2,30		13,00	0,031	
145		Dầu		Thông thường	1	3,20		12,00	0,036	
Tổng cộng					186				20,039	

Tổng cộng : 186 lóng, thanh, tấm; khối lượng : 20,039 m3 (Hai mươi khối không ba chín)

Người tổng hợp

Chư Păh, ngày tháng năm 2025
HẠT TRƯỞNG

Ngô Thị Hằng

tò.....

12/04/2024 1.921

	4,291	
19/07/2024		
	1922	

1,425
26/08/2024
1923

1924
16/12/2024
1,461

23/12/2024

1925

2,168

1926

1,01

27/12/2024

1927

2,465

02/01/2025

2,076 xp

1241

22/05/2024

0,918

03/02/2025
1928

| 3,235 |
15/05/2025
1929

1.921,000

BẢNG KÊ LÂM SẢN

TT	Số hiệu nhân đánh dấu	Tên thông thường		Nhóm loài (thông thường; nguy cấp, quý, hiếm; PLI/II CITES)	Số lượng	Kích thước			Khối lượng	Ghi chú (Đã có Quyết định tịch thu/ Đang tạm giữ)	
						Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/chiề u dày (cm)			
1		SP5		Thông thường	40	5,0	10	5	1,000		xã Hà Tây
2		Cày		Thông thường	1	3,2		30	0,226		TT Ia Ly
3		Cày		Thông thường	1	3,5		20	0,109		4,291
4		Cày		Thông thường	1	4,1		30	0,289		
5		Cày		Thông thường	1	3,6		30	0,254		
6		Cày		Thông thường	1	4,6		30	0,324		
7		Cày		Thông thường	1	4,6		34	0,417		
8		Cày		Thông thường	1	3,4		27	0,194		
9		Cày		Thông thường	1	4,8		27	0,274		
10		Cày		Thông thường	1	3,5		18	0,089		
11		Cày		Thông thường	1	3,9		20	0,106		
12		Cày		Thông thường	1	3,5		30	0,247		
13		Cày		Thông thường	1	3,6		25	0,176		
14		Cày		Thông thường	1	4,4		27	0,252		
15		Cày		Thông thường	1	3,2		38	0,362		
16		Cày		Thông thường	1	3,2		34	0,290		
17		Cày		Thông thường	1	3,1		45	0,492		
18		Cày		Thông thường	1	3,1		28	0,190		
19		SP5		Thông thường	1	2,4	24	21	0,120		Hà Tây
20		SP5		Thông thường	1	2,8	36	41	0,413		Nhà xe
21		SP5		Thông thường	1	2,0	28	25	0,140		1,415
22		SP5		Thông thường	1	3,5	11	23	0,088		
23		SP5		Thông thường	1	2,0	27	27	0,145		
24		SP5		Thông thường	1	2,0	17	26	0,088		
25		SP5		Thông thường	1	1,5	29	26	0,113		
26		SP5		Thông thường	1	3,0	22	24	0,158		
27		SP5		Thông thường	1	2,5	24	25	0,150		
28		SP5		Thông thường	1	2,0		40	0,251		Ia Ka
29		SP5		Thông thường	1	2,0		40	0,251		trên rừng
30		SP5		Thông thường	1	2,0		45	0,317		1,461
31		SP5		Thông thường	1	2,2		40	0,276		
32		SP5		Thông thường	1	2,2		35	0,211		
33		SP5		Thông thường	1	2,2		30	0,155		

34		SP5		Thông thường	1	2,7	30	30	0,243		Hà Tây
35		SP5		Thông thường	1	2,8	35	35	0,343		2,168
36		SP5		Thông thường	1	3,2	28	28	0,250		
37		SP5		Thông thường	2	2,8	22	22	0,272		
38		SP5		Thông thường	1	2,9	30	30	0,261		
39		SP5		Thông thường	1	3,0	30	30	0,270		
40		SP6		Thông thường	1	2,3	30	30	0,207		
41		SP5		Thông thường	1	2,8	25	30	0,210		
42		SP5		Thông thường	1	2,8	20	20	0,112		
43		Lim vang		Thông thường	1	2	20	20	0,080		Ia Kreng
44		Lim vang		Thông thường	1	2	21	22	0,092		1,01
45		Lim vang		Thông thường	1	2	22	23	0,101		
46		Lim vang		Thông thường	1	2	21	21	0,088		
47		Lim vang		Thông thường	1	2	23	25	0,115		
48		Lim vang		Thông thường	1	2	19	20	0,076		
49		Lim vang		Thông thường	1	2	20	22	0,088		
50		Lim vang		Thông thường	1	2	22	24	0,105		
51		Lim vang		Thông thường	1	2	22	23	0,101		
52		Lim vang		Thông thường	1	2	21	22	0,092		
53		Lim vang		Thông thường	1	2	18	20	0,072		
54		SP5		Thông thường	2	2,6	75	15	0,584		Ia Kreng
55		SP5		Thông thường	1	2,6	70	14	0,254		2,465
56		SP5		Thông thường	1	2,6	50	14	0,182		
57		SP5		Thông thường	1	2,6	57	14	0,207		
58		SP5		Thông thường	1	2,6	60	14	0,218		
59		SP5		Thông thường	1	2,6	75	14	0,273		
60		SP5		Thông thường	1	2,6	78	14	0,283		
61		SP5		Thông thường	1	2,6	70	12	0,218		
62		SP5		Thông thường	1	2,6	73	13	0,246		
63		SP5		Thông thường	1	2,2	30	28	0,184		Ia Kreng
64		SP5		Thông thường	1	2,1	28	14	0,082		2,076
65		SP5		Thông thường	1	1,8	24	18	0,077		
66		SP5		Thông thường	1	2,2	30	24	0,158		
67		SP5		Thông thường	1	2	31	14	0,086		
68		SP5		Thông thường	1	2,2	34	26	0,194		
69		SP5		Thông thường	1	2,2	27	21	0,124		
70		SP5		Thông thường	1	2,1	20	18	0,075		
71		SP5		Thông thường	1	2,1	34	23	0,164		
72		SP5		Thông thường	1	2,2	31	25	0,170		
73		SP5		Thông thường	1	2,2	40	13	0,114		
74		SP5		Thông thường	1	1,8	34	30	0,183		
75		SP5		Thông thường	1	2,1	35	15	0,110		
76		SP5		Thông thường	1	2,2	43	13	0,122		
77		SP5		Thông thường	1	2,2	40	13	0,114		

78		SP5		Thông thường	1	2,3	40	13	0,119		
79		SP5		Thông thường	1	1,2		34	0,108		hà Tây
80		SP5		Thông thường	1	1,2		34	0,108		0,359
81		SP5		Thông thường	1	0,8		36	0,080		0,559
82		SP5		Thông thường	1	0,9		30	0,063		
83		SP5		Thông thường	1	1,7	22	22	0,082		
84		SP5		Thông thường	1	2	30	12	0,072		
85		SP5		Thông thường	1	2	22	12	0,052		
86		SP5		Thông thường	1	1,6	33	19	0,100		
87		SP5		Thông thường	1	1,4	43	10	0,060		
88		SP5		Thông thường	1	2,1	38	10	0,079		
89		SP5		Thông thường	1	1,8	53	12	0,114		
90		Dầu		Thông thường	1	5,00		14,00	0,077		Ia Mơ Nông
91		SP5		Thông thường	1	5,50		15,00	0,097		3,235
92		Dầu		Thông thường	1	2,60		20,00	0,082		
93		Dầu		Thông thường	1	4,00		15,00	0,071		
94		Dầu		Thông thường	1	3,40		17,00	0,077		
95		Dầu		Thông thường	1	4,80		15,00	0,085		
96		Dầu		Thông thường	1	4,70		15,00	0,083		
97		Dầu		Thông thường	1	5,20		12,00	0,059		
98		Dầu		Thông thường	1	6,30		15,00	0,111		
99		SP5		Thông thường	1	2,90		15,00	0,051		
100		SP5		Thông thường	1	5,00		14,00	0,077		
101		SP5		Thông thường	1	5,30		16,00	0,107		
102		Dầu		Thông thường	1	3,90		12,00	0,044		
103		Dầu		Thông thường	1	5,20		17,00	0,118		
104		SP5		Thông thường	1	4,80		15,00	0,085		
105		Dầu		Thông thường	1	5,00		12,00	0,057		
106		SP5		Thông thường	1	2,70		17,00	0,061		
107		Dầu		Thông thường	1	2,60		15,00	0,046		
108		SP5		Thông thường	1	4,00		17,00	0,091		
109		Dầu		Thông thường	1	2,70		14,00	0,042		
110		Dầu		Thông thường	1	3,70		12,00	0,042		
111		Dầu		Thông thường	1	4,20		16,00	0,084		
112		Dầu		Thông thường	1	1,90		15,00	0,034		
113		Dầu		Thông thường	1	4,50		16,00	0,090		
114		Dầu		Thông thường	1	6,00		15,00	0,106		
115		Dầu		Thông thường	1	2,20		12,00	0,025		
116		Dầu		Thông thường	1	2,50		18,00	0,064		
117		Dầu		Thông thường	1	3,30		14,00	0,051		
118		Dầu		Thông thường	1	4,70		14,00	0,072		
119		Dầu		Thông thường	1	4,80		15,00	0,085		
120		Dầu		Thông thường	1	4,50		13,00	0,060		
121		SP5		Thông thường	1	2,90		18,00	0,074		

122		SP5		Thông thường	1	4,20		13,00	0,056		
123		Cà la		Thông thường	1	4,10		12,00	0,046		
124		Dầu		Thông thường	1	4,50		10,00	0,035		
125		Dầu		Thông thường	1	2,60		13,00	0,034		
126		Dầu		Thông thường	1	4,40		11,00	0,042		
127		Dầu		Thông thường	1	1,10		10,00	0,009		
128		Cà la		Thông thường	1	4,80		10,00	0,038		
129		Dầu		Thông thường	1	3,50		12,00	0,040		
130		Dầu		Thông thường	1	2,10		10,00	0,016		
131		Dầu		Thông thường	1	3,30		10,00	0,026		
132		Dầu		Thông thường	1	3,40		11,00	0,032		
133		Dầu		Thông thường	1	5,50		12,00	0,062		
134		Dầu		Thông thường	1	5,10		11,00	0,048		
135		Dầu		Thông thường	1	2,80		14,00	0,043		
136		SP5		Thông thường	1	3,50		12,00	0,040		
137		SP5		Thông thường	1	4,40		10,00	0,035		
138		SP5		Thông thường	1	5,00		13,00	0,066		
139		Dầu		Thông thường	1	4,30		10,00	0,034		
140		Dầu		Thông thường	1	3,00		13,00	0,040		
141		Dầu		Thông thường	1	3,10		13,00	0,041		
142		Dầu		Thông thường	1	3,50		15,00	0,062		
143		Dầu		Thông thường	1	1,40		13,00	0,019		
144		Dầu		Thông thường	1	2,30		13,00	0,031		
145		Dầu		Thông thường	1	3,20		12,00	0,036		
Tổng cộng					186				20,039		

Tổng cộng : 186 lóng, thanh, tấm; khối lượng : 20,039 m3 (Hai mươi khối không ba chín)

Chư Păh, ngày tháng năm 2025

Người tổng hợp

HẠT TRƯỞNG

Ngô Thị Hằng

BẢNG KÊ LÂM SẢN TỊCH THU
Kèm theo Thông báo số: TB/HKL ngày tháng 2 năm 2026 của Hạt Kiểm lâm

TT	Số hiệu nhãn đánh dấu	Tên thông thường Tên khoa học (đối với gỗ nhập khẩu)		Số lượng	Kích thước			Khối lượng
					Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/chiều dày (cm)	
1		SP5		40	5,0	10	5	1,000
2		Cày		1	3,2		30	0,226
3		Cày		1	3,5		20	0,109
4		Cày		1	4,1		30	0,289
5		Cày		1	3,6		30	0,254
6		Cày		1	4,6		30	0,324
7		Cày		1	4,6		34	0,417
8		Cày		1	3,4		27	0,194
9		Cày		1	4,8		27	0,274
10		Cày		1	3,5		18	0,089
11		Cày		1	3,9		20	0,106
12		Cày		1	3,5		30	0,247
13		Cày		1	3,6		25	0,176
14		Cày		1	4,4		27	0,252
15		Cày		1	3,2		38	0,362
16		Cày		1	3,2		34	0,290
17		Cày		1	3,1		45	0,492
18		Cày		1	3,1		28	0,190
19		SP5		1	2,4	24	21	0,120
20		SP5		1	2,8	36	41	0,413
21		SP5		1	2,0	28	25	0,140
22		SP5		1	3,5	11	23	0,088
23		SP5		1	2,0	27	27	0,145
24		SP5		1	2,0	17	26	0,088
25		SP5		1	1,5	29	26	0,113
26		SP5		1	3,0	22	24	0,158
27		SP5		1	2,5	24	25	0,150

28		SP5		1	2,0		40	0,251
29		SP5		1	2,0		40	0,251
30		SP5		1	2,0		45	0,317
31		SP5		1	2,2		40	0,276
32		SP5		1	2,2		35	0,211
33		SP5		1	2,2		30	0,155
34		SP5		1	2,7	30	30	0,243
35		SP5		1	2,8	35	35	0,343
36		SP5		1	3,2	28	28	0,250
37		SP5		2	2,8	22	22	0,272
38		SP5		1	2,9	30	30	0,261
39		SP5		1	3,0	30	30	0,270
40		SP6		1	2,3	30	30	0,207
41		SP5		1	2,8	25	30	0,210
42		SP5		1	2,8	20	20	0,112
43		Lim vang		1	2	20	20	0,080
44		Lim vang		1	2	21	22	0,092
45		Lim vang		1	2	22	23	0,101
46		Lim vang		1	2	21	21	0,088
47		Lim vang		1	2	23	25	0,115
48		Lim vang		1	2	19	20	0,076
49		Lim vang		1	2	20	22	0,088
50		Lim vang		1	2	22	24	0,105
51		Lim vang		1	2	22	23	0,101
52		Lim vang		1	2	21	22	0,092
53		Lim vang		1	2	18	20	0,072
54		SP5		2	2,6	75	15	0,584
55		SP5		1	2,6	70	14	0,254
56		SP5		1	2,6	50	14	0,182
57		SP5		1	2,6	57	14	0,207
58		SP5		1	2,6	60	14	0,218
59		SP5		1	2,6	75	14	0,273
60		SP5		1	2,6	78	14	0,283
61		SP5		1	2,6	70	12	0,218
62		SP5		1	2,6	73	13	0,246
63		SP5		1	2,2	30	28	0,184
64		SP5		1	2,1	28	14	0,082
65		SP5		1	1,8	24	18	0,077
66		SP5		1	2,2	30	24	0,158

67		SP5		1	2	31	14	0,086
68		SP5		1	2,2	34	26	0,194
69		SP5		1	2,2	27	21	0,124
70		SP5		1	2,1	20	18	0,075
71		SP5		1	2,1	34	23	0,164
72		SP5		1	2,2	31	25	0,170
73		SP5		1	2,2	40	13	0,114
74		SP5		1	1,8	34	30	0,183
75		SP5		1	2,1	35	15	0,110
76		SP5		1	2,2	43	13	0,122
77		SP5		1	2,2	40	13	0,114
78		SP5		1	2,3	40	13	0,119
79		SP5		1	1,2		34	0,108
80		SP5		1	1,2		34	0,108
81		SP5		1	0,8		36	0,080
82		SP5		1	0,9		30	0,063
83		SP5		1	1,7	22	22	0,082
84		SP5		1	2	30	12	0,072
85		SP5		1	2	22	12	0,052
86		SP5		1	1,6	33	19	0,100
87		SP5		1	1,4	43	10	0,060
88		SP5		1	2,1	38	10	0,079
89		SP5		1	1,8	53	12	0,114
90		Dầu		1	5,00		14,00	0,077
91		SP5		1	5,50		15,00	0,097
92		Dầu		1	2,60		20,00	0,082
93		Dầu		1	4,00		15,00	0,071
94		Dầu		1	3,40		17,00	0,077
95		Dầu		1	4,80		15,00	0,085
96		Dầu		1	4,70		15,00	0,083
97		Dầu		1	5,20		12,00	0,059
98		Dầu		1	6,30		15,00	0,111
99		SP5		1	2,90		15,00	0,051
100		SP5		1	5,00		14,00	0,077
101		SP5		1	5,30		16,00	0,107
102		Dầu		1	3,90		12,00	0,044
103		Dầu		1	5,20		17,00	0,118
104		SP5		1	4,80		15,00	0,085
105		Dầu		1	5,00		12,00	0,057
106		SP5		1	2,70		17,00	0,061

107		Dầu		1	2,60		15,00	0,046
108		SP5		1	4,00		17,00	0,091
109		Dầu		1	2,70		14,00	0,042
110		Dầu		1	3,70		12,00	0,042
111		Dầu		1	4,20		16,00	0,084
112		Dầu		1	1,90		15,00	0,034
113		Dầu		1	4,50		16,00	0,090
114		Dầu		1	6,00		15,00	0,106
115		Dầu		1	2,20		12,00	0,025
116		Dầu		1	2,50		18,00	0,064
117		Dầu		1	3,30		14,00	0,051
118		Dầu		1	4,70		14,00	0,072
119		Dầu		1	4,80		15,00	0,085
120		Dầu		1	4,50		13,00	0,060
121		SP5		1	2,90		18,00	0,074
122		SP5		1	4,20		13,00	0,056
123		SP5		1	4,10		12,00	0,046
124		Dầu		1	4,50		10,00	0,035
125		Dầu		1	2,60		13,00	0,034
126		Dầu		1	4,40		11,00	0,042
127		Dầu		1	1,10		10,00	0,009
128		SP5		1	4,80		10,00	0,038
129		Dầu		1	3,50		12,00	0,040
130		Dầu		1	2,10		10,00	0,016
131		Dầu		1	3,30		10,00	0,026
132		Dầu		1	3,40		11,00	0,032
133		Dầu		1	5,50		12,00	0,062
134		Dầu		1	5,10		11,00	0,048
135		Dầu		1	2,80		14,00	0,043
136		SP5		1	3,50		12,00	0,040
137		SP5		1	4,40		10,00	0,035
138		SP5		1	5,00		13,00	0,066
139		Dầu		1	4,30		10,00	0,034
140		Dầu		1	3,00		13,00	0,040
141		Dầu		1	3,10		13,00	0,041
142		Dầu		1	3,50		15,00	0,062
143		Dầu		1	1,40		13,00	0,019
144		Dầu		1	2,30		13,00	0,031
145		Dầu		1	3,20		12,00	0,036
Tổng cộng				186				20,039

Tổng cộng : 186 lóng, thanh, tấm; khối lượng : 20,039 m³ (Hai mươi khối k

HÃA VIỆT NAM
phúc

âm khu vực Chư Păh

Ghi chú
1921/QĐ-TT 12/4/2024
1922/QĐ-TT 19/7/2024
1923/QĐ-TT 26/8/2024

|

|

1924/QĐ-TT 16/12/2024
1925/QĐ-TT 23/12/2024
1926/QĐ-TT 27/12/2024
1927/QĐ-TT 02/01/2025
1241/QĐ-XPVP 22/05/2024

[illegible]

thông ba chín)

-

